

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST

Ngày: 14/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/HSST - QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm: 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 138/2 ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc H (chết) và bà Trần Thị C (sống); bị cáo chưa có vợ nhưng đang chung sống như vợ chồng với Nguyễn Phương L (là người làm chứng tRg vụ án); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 23/7/2021, sau đó được tại ngoại. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1990; nơi cư trú: số nhà 95/4 ấp K, xã T, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: số nhà 66/1 ấp L, xã B, huyện T, tỉnh B (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà 25/3 ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Phương L, sinh năm 1999; nơi cư trú: số nhà 138/2, ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh B (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 2003; nơi cư trú: Số nhà 141/6, ấp A1, xã A1, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Anh Trần Văn R, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thu H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Anh Lê Thành T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà 289/1 ấp K, Thị trấn T, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Anh Mai Thanh K, sinh năm 2000; nơi cư trú: số nhà 62/3 ấp K, xã A, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 17 giờ 40 phút ngày 20 tháng 7 năm 2021, Đoàn Biên phòng Cổ Chiên, Bộ đội Biên phòng tỉnh B phối hợp Công an xã H, huyện T, tỉnh B tiến hành tuần tra và phát hiện Lê Văn T điều khiển xe mô tô biển số 71S9-2538 chở Nguyễn Phương L phía sau, lưu thông trên Huyện lộ 92, đoạn thuộc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh B có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng yêu cầu dừng xe và mời đối tượng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã H làm việc. Qua kiểm tra phát hiện phía trái lớp vải cổ tay áo bên phải của Lê Văn T có 01 gói hình chữ nhật, bên ngoài có quấn một lớp băng keo dính màu đen, kiểm tra bên trong có 01 gói nylon màu trắng, được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy.

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 gói hình chữ nhật, bên ngoài có quấn một lớp băng keo dính màu đen, kiểm tra bên trong có 01 gói nylon màu trắng được hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu là A).

Ngoài ra còn thu giữ của T:

- 01 điện thoại di động màu trắng, phía mặt sau có chữ Samsung, số Imei1: 358544104170159, số Imei2: 35854510417160, được gắn sim số 0981326923.

- 01 ví bằng da có màu nâu cùng với số tiền 90.000 đồng, gồm: 02 tờ tiền polyme, mệnh giá 20.000 đồng; một tờ tiền polyme, mệnh giá 50.000 đồng.

- 01 xe mô tô, biển số 71S9-2538 Lê Văn T đang sử dụng.

- 01 chứng minh nhân dân số 321396329 mang tên Trần Văn T.

Quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào sáng ngày 20 tháng 7 năm 2021, T cùng Nguyễn Phương L (sống chung như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn) đến nhà chị Mai Thị Trúc D (chị của Mai Thanh K) ở xã M chơi. Sau đó, T nhờ K chở đến chòi giữ tôm của Phạm Văn H

(tên thường gọi: M Tàng) ở thị trấn Thanh Phú để xăm hình cho Nguyễn Hoàng L (tên thường gọi: L Đẹt), do đã hẹn trước đó, sau đó K đi về. Trong lúc xăm hình, T hỏi mua ma túy của L với số tiền 700.000 đồng, loại Methamphetamine (ma túy đá) để sử dụng, L đồng ý và rời khỏi chòi giữ tôm để lấy ma túy bán cho T (không xác định được nơi L lấy ma túy). Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào phía trong lớp vải cổ tay áo bên phải. Sau đó, Nguyễn Thị Cẩm H (bạn của L) đến chòi giữ tôm của H chơi, T nhờ H đến nhà D (chị của K) để chở Nguyễn Phương L đến để cùng về. T mượn Nguyễn Hoàng L một xe mô tô, biển số 71S9-25XX và một điện thoại di động hiệu Samsung để sử dụng và chở Nguyễn Phương L về nhà. Khi đang lưu thông trên Huyện lộ 92 thuộc ấp A, xã H thì bị lực lượng tuần tra kiểm soát của Công an xã phối hợp Đoàn Biên phòng Cổ Chiên, Bộ đội Biên phòng tỉnh B mời về trụ sở Ủy ban nhân dân xã H kiểm tra phát hiện, bắt quả tang và tạm giữ tang vật.

Tại Kết luận giám định số 81/2021/GĐMT ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, kết luận: Tinh thể màu trắng đựng tRg 01 (một) gói nylon thu trên người của T, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,1070 gam.

Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Đội Cảnh sát giao thông-Trật tự cơ động Công an huyện T xác định xe mô tô biển số 71S9-25XX, tên chủ xe Đoàn Văn L (địa chỉ ấp K, xã M, huyện T, tỉnh B), nhãn hiệu VIJABI, màu sơn xanh, số máy VA-002482, số khung 71G-02482. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã T hành làm việc với ông Đoàn Văn L xác định ông có đăng ký xe trên vào năm 2007 nhưng ông đã bán cho người khác không xác định được họ tên, địa chỉ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã T hành làm việc với Nguyễn Hoàng L, người cho Lê Văn T mượn xe nêu trên về nguồn gốc xe, L trình bày xe trên do bạn của L tên Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1991, nơi cư trú: số nhà 25/3, ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh B) cầm tại cửa hàng cầm đồ của anh Lê Tự Quyết Th ở xã G nhưng không có tiền chuộc và nói L chuộc xe về sử dụng, khi nào có tiền Đ sẽ chuộc lại của L. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác minh đối với Lê Tự Quyết T là chủ cửa hàng cầm đồ ở xã G, kết quả không xác định được do anh T không còn lưu giấy tờ những xe đã chuộc.

Tại báo cáo số 86 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Công an xã An Điền: trên địa bàn xã Đ, không có người tên Trần Văn T, sinh ngày 12/5/1996 có lai lịch nêu trong giấy chứng minh nhân dân đã thu giữ là thông tin giả, không có thật.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS, ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được trừ vào thời hạn đã tạm giữ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 23/7/2021.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: do hiện tại bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói hình chữ nhật được niêm phong trong phong bì có ký hiệu A được kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamin khối lượng ma túy sau giám định còn 0,9996 gam và mẫu băng keo quấn gói ma túy được niêm phong trong phong bì số 81/2021 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Ngọc M, Trần Văn T và đóng dấu màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; 01 chứng minh nhân dân số 321396329 mang tên Trần Văn T.

- Trả cho anh Nguyễn Hoàng L 01 điện thoại di động màu trắng, phía mặt sau có chữ Samsung, số Imei1: 358544104170159, số Imei2: 35854510417160; 01 xe mô tô biển số 71S9-7538, số máy VA-002482, số khung 71G-02482;

- Trả cho bị cáo Lê Văn T 01 sim số 0981326923; 01 ví bằng da có màu nâu;

Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS ngày 11-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 – 01 - 2022.

- Trả cho bị cáo Lê Văn T số tiền 90.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000986 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thanh Phú.

Về nguồn gốc 1,1070 gam ma túy, loại Methamphetamine bị thu giữ, Lê Văn T khai nhận mua của Nguyễn Hoàng L, tuy nhiên ngoài lời khai của T thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng L.

Đối với Nguyễn Phương L là người đi cùng Lê Văn T khi đang tàng trữ trái phép 1,1070 gam ma túy, loại Methamphetamine bị bắt quả tang nhưng Nguyễn Phương L không biết việc T tàng trữ trái phép ma túy nên Nguyễn Phương L không đồng phạm với Lê Văn T trong vụ án.

Đối với Mai Thanh K có hành vi chở Lê Văn T đến chòi giữ tôm của Phạm Văn H rồi ra về. K không biết T mua ma túy nên không cấu thành tội phạm.

Bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết mình sai và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu tRg hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục

theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 17 giờ 40 phút ngày 20 tháng 7 năm 2021, Lê Văn T điều khiển xe mô tô biển số 71S9-2538 chở Nguyễn Phương L phía sau, đi trên đường huyện 92, ở ấp T1, xã H, huyện T, tỉnh B. Bị lực lượng Đoàn Biên phòng Cổ Chiên, Bộ đội Biên phòng tỉnh B phối hợp Công an xã H, huyện T, tỉnh B bắt quả tang T đang tàng trữ trái phép 1,1070 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích sử dụng.

Vì vậy, bản Cáo trạng số 03/CT-VKS, ngày 11-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú truy tố bị cáo Lê Văn T về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một tRg các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bản thân bị cáo mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân về tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma túy nói riêng. Mặt khác còn xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là thương binh hạng 3/4 nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Lê Văn T không có tiền án, tiền sự nhưng hành vi của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, loại tội này ở địa phương đang ngày một gia tăng. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt tù thật nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội

một thời gian mới đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do hiện tại bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên xem xét ghi nhận.

[10] Đối với Nguyễn Phương L là người đi cùng Lê Văn T khi T đang tàng trữ trái phép 1,1070 gam ma túy, loại Methamphetamine nhưng Nguyễn Phương L không biết việc T tàng trữ trái phép ma túy nên Nguyễn Phương L không đồng phạm với Lê Văn T trong vụ án.

Về nguồn gốc 1,1070 gam ma túy, loại Methamphetamine bị thu giữ, Lê Văn T khai nhận mua của Nguyễn Hoàng L. Tuy nhiên ngoài lời khai của T và qua quá trình điều tra L không thừa nhận có bán ma túy cho T và cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh việc L đã bán ma túy cho T nên không xem xét về trách nhiệm hình sự của Nguyễn Hoàng L trong vụ án này.

Đối với Mai Thanh K có hành vi chở Lê Văn T đến chòi giữ tôm của Phạm Văn H rồi ra về. K không biết T mua ma túy nên không cấu thành tội phạm.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn đã bị tạm giữ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 23/7/2021.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

2.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 gói hình chữ nhật được niêm phong trong phong bì có ký hiệu A được kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine khối lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,9996 gam và mẫu băng keo quấn gói ma túy được niêm phong trong phong bì số 81/2021 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Ngọc M, Trần Văn T và đóng dấu màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; 01 (một) chứng minh nhân dân số 321396329 mang tên Trần Văn T

2.2 Trả cho Nguyễn Hoàng L 01 điện thoại di động màu trắng, phía mặt sau có chữ Samsung, số Imei1: 358544104170159, số Imei2: 35854510417160; 01 xe mô tô biển số 71S9-7538, số máy VA-002482, số khung 71G-02482;

- Trả cho bị cáo Lê Văn T 01 sim số 0981326923; 01 ví bằng da có màu nâu.

Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS ngày 11-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 – 01 - 2022.

- Trả cho bị cáo Lê Văn T số tiền 90.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000986 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Phú.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vũ – Lê Văn Tài

Phan Cẩm Nhung

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân dân xã An Qui;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh

